TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 21 – 01 - 2020
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 943/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 về *"*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-DS ngày 10/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà W HĐơk - Sinh năm: 1980 (có mặt).
Trú tại: Số xxx đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn V – sinh năm: 1964 (Có mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Số xyz đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà W HĐơk trình bày:

Tôi và anh Trần Văn V chung sống với nhau từ năm 2015. Tuy nhiên, từ khi chung sống cho đến nay chúng tôi không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu J HĐơk – sinh ngày 07/9/2015. Hiện đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng

kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Bản thân tôi phải tự lo toan tất cả mọi việc trong gia đình. Vì quá mệt mỏi nên chúng tôi đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 02/2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa chúng tôi đã không còn, đời sống chung cũng không thể tiếp tục duy trì để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được nữa.

Do vậy, nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa tôi và anh Trần Văn V là vợ chồng. Về con chung: Tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn V trình bày: Tôi và cô W HĐơk chung sống với nhau từ năm 2015 và cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu J HĐơk – sinh ngày 07/9/2015, hiện đang do cô W HĐơk nuôi dưỡng.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài được một thời gian thì đến đầu năm 2017, chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Do vậy, nay cô W HĐơk làm đơn yêu cầu giải quyết thì tôi đồng ý. Cụ thể: Về con chung: Tôi đồng ý để cho cô W nuôi dưỡng trực tiếp con chung là cháu J HĐơk. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa bà và ông Trần Văn V không phải là vợ chồng và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 7 và 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Bà W HĐơk và ông Trần Văn V chung sống với nhau năm 2015. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn song không tiến hành đăng ký theo quy định của pháp luật. Việc chung sống giữa bà W HĐơk và ông Trần Văn V không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, xét yêu cầu của bà W HĐơk đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu J HĐơk – sinh ngày 07/9/2015. Hiện nay, cháu J HĐơk còn nhỏ và đang được bà W HĐơk nuôi dưỡng trực tiếp, đồng thời các đương sự đều thống nhất giao cho bà W nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao con chung cháu J HĐơk cho bà W HĐơk nuôi dưỡng trực tiếp đến tuổi thành niên là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà W HĐơk phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lại thu số AA/2019/0005327 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng : điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà W HĐơk.

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà W HĐơk và ông Trần Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là cháu J HĐơk – sinh ngày 07/9/2015 cho bà W HĐơk trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn bà W HĐơk phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005327 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải An